

Bản án số: **09/2024/HNGĐ-ST**

Ngày: 27-02-2024

V/v: “Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG
NGÃI**

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Na Na

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Mạnh Hùng

2. Bà Nguyễn Thị Xuân Thương

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Đinh Văn Dương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố, tỉnh Quảng Ngãi.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:** Ông Võ Hồng Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 49/2023/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2023 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 296/2023/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 12 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2024/QĐST-DS ngày 09 tháng 01 năm 2024 và Thông báo chuyển ngày xét xử vụ án số: 08/TB-TA ngày 22/01/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Vũ Á, sinh năm 1997;

Địa chỉ: Số A đường V, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

(Chị Á vắng mặt và có đơn xét xử vắng mặt)

Bị đơn: Anh Võ Văn D, sinh năm 1995;

Địa chỉ: Đ, thôn Đ, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; A vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 30/01/2023 và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Vũ Á trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Năm 2018, chị Nguyễn Thị Vũ Á kết hôn với anh Võ Văn D và được Ủy ban nhân dân phường T, Thành phố P, tỉnh Gia Lai cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 42 ngày 28-5-2018. Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc và sinh 01 con chung cháu Võ Văn Gia K, sinh ngày 25/4/2018. Sau khi sinh được 01 con chung chị Á và anh D phát sinh mâu thuẫn,

anh D không lo làm ăn, thường xuyên cờ bạc và có hành vi bạo lực với chị Á, nhiều lần chị Á cố gắng hàn gắn để hai bên đoàn tụ hoà hợp nhưng không có kết quả, chị Á và anh D đã ly thân từ tháng 5 năm 2022 mãi cho đến nay, không ai quan tâm đến ai, phần ai nấy sống. Nay, chị Á nhận thấy cuộc sống hôn nhân giữa chị và anh D ngày càng mâu thuẫn trầm trọng không thể giải quyết được, vợ chồng không còn hạnh phúc. Đời sống vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị Á yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi giải quyết cho chị được ly hôn với anh D.

Về con chung: Giữa chị Á và anh D có 01 con chung cháu Võ Văn Gia K, sinh ngày 5/4/2018. Khi ly hôn, chị yêu cầu Toà án giải quyết giao cháu K cho chị là người nuôi dưỡng, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, trong quá trình Toà án giải quyết vụ án, chị Á đã thay đổi các yêu cầu khởi kiện và chị cho rằng vì hiện nay cháu K đang sống cùng với anh D tại xã T, thành phố Q. Để đảm bảo về tinh thần và ổn định về tâm sinh lý cho cháu K. Vì vậy, khi ly hôn, chị yêu cầu Toà án giải quyết giao cháu K cho anh D là người trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng, chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Á trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn là anh Võ Văn D vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên không có lời trình bày.*

**Tại biên bản xác minh ngày 31/10/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi về điều kiện sống, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa chị Á và anh D: Chính quyền địa phương cung cấp thông tin không biết được nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa chị Á và anh D vì không nghe chị Á hay anh D báo cáo với cơ quan có thẩm quyền nên nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa chị Á và anh D thì chính quyền địa phương không biết.*

**Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi phát biểu ý kiến:*

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Thẩm phán xác định quan tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ là đúng theo quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định của pháp luật, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Vũ Á. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn thị Vũ Á1 được ly hôn với anh Võ Văn D; về con chung: Hiện nay cháu K đang sống cùng với anh D, để đảm bảo cho sự ổn định về môi trường sống, tâm sinh lý cho cháu K, khi ly hôn đề nghị giao con chung cháu Võ Văn Gia K, sinh ngày 5/4/2018 cho anh D là người tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu K, chị Á1 tự nguyện cấp dưỡng nuôi con, 1.000.000 đồng/tháng. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 3 năm 2024 cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Á1 trình bày không có nên không xem xét.

Về án phí sơ thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố, thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Vũ A có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Võ Văn D, giao con chung cháu Võ Văn Gia K cho anh D nuôi dưỡng. Về tài sản chung, nợ chung: Chị A trình bày không có. Bị đơn anh Võ Văn D có nơi cư trú tại xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Do đó, có căn cứ xác định quan hệ pháp luật khi giải quyết là: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị Vũ A vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn, anh Võ Văn D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị A và anh D tự nguyện tìm hiểu, yêu thương, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường T, Thành Phố P, tỉnh Gia Lai cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 42 ngày 28/5/2008 nên quan hệ hôn nhân giữa chị A và anh D là hôn nhân hợp pháp.

Theo chị A trình bày, trong quá trình chung sống vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh D không lo làm ăn, thường xuyên cờ bạc và có hành vi bạo lực với chị, nhiều lần chị đã cố hàn gắn để hai bên đoàn tụ hoà hợp nhưng không có kết quả, chị A và anh D đã ly thân từ tháng 5 năm 2022 mãi cho đến nay, không ai quan tâm đến ai, phần ai nấy sống. Nay, chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Nên chị yêu cầu được ly hôn với anh D.

Về phía bị đơn anh Võ Văn D sau khi thụ lý vụ án Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi đã tổng đạt hợp lệ và niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng cho anh D nhưng anh D không có văn bản và cũng không đến Tòa án trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị A.

Vì các căn cứ nêu trên, có đủ cơ sở để xác định, đời sống chung vợ chồng giữa chị A và anh A không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, tình trạng hôn nhân đã trầm trọng. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị A ly hôn với anh D.

[2.2] *Về con chung*: Giữa chị Á và anh D có 01 con chung, cháu Võ Văn Gia K, sinh ngày 05/4/2018. Khi ly hôn, chị Á yêu cầu giao con chung cho anh D là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục, chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của anh D. Hội đồng xét xử xét thấy, cháu K là con chung của chị Á, anh D và hiện nay cháu K đang sống cùng với anh D tại xã T, thành phố Q (có giấy xác nhận của chính quyền địa phương) từ khi sinh ra mãi cho đến nay. Cuộc sống hôn nhân hiện nay giữa chị Á với anh D đã ly thân, phân ai nấy sống, không ai quan tâm ai. Hiện nay, cháu K còn nhỏ. Vì vậy, để đảm bảo về mặt tinh thần và sự phát triển tâm sinh lý bình thường cho cháu, cần giao cháu K cho anh D là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu K là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật. Ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con của chị Á, mức cấp dưỡng 1.000.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng được tính từ tháng 3 năm 2024 cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện về việc cấp dưỡng nuôi con của chị Á đối với cháu K.

[2.3] *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị Á trình bày, giữa chị với anh D không có tài sản chung và không có nợ. Vì anh D không có văn bản trình bày ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị Vũ Á phải chịu án phí sơ thẩm đối với tranh chấp về hôn nhân và gia đình và án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 235, Điều 266 Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 278, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015;

Căn cứ vào Điều 8, Điều 9; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84; Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Vũ Á về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*”.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Vũ Á được ly hôn anh Võ Văn D.

1.2. Về con chung: Giao con chung là cháu Võ Văn Gia K, sinh ngày 05/4/2018 cho anh Võ Văn D là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con của chị Á, mức cấp dưỡng 1.000.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng được tính từ tháng 3 năm 2024 cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi.

Chị Nguyễn Thị Vũ Á và anh Võ Văn D đều có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người đang trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu theo quy định của pháp luật.

1.3. Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn trình bày không có tài sản chung và không có nợ. Vì bị đơn anh D không có văn bản trình bày ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Vũ Á phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí Hôn nhân, gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Tổng cộng là 600.000 đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí do chị Á đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0004434 ngày 20-02-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi. Số tiền án phí chị Á còn phải nộp tiếp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

3. Nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án cho đến khi thi hành xong.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND TP Quảng Ngãi;
- Chi cục THADS TP Quảng Ngãi;
- UBND xã Tịnh Ấn Tây;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Thị Na Na